TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-PT
Ngày: 08/02/2023
V/v Tranh chấp về quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản - Đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 542/2022/TLPT-DS ngày 30/11/2022 về việc "Tranh chấp về quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản - Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6496/2022/QĐ-PT ngày 22/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 713/2023/QĐ-PT ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Vi Văn Q**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 336, Tổ 12 (Nay là tổ 3), phường E, quận R, Thành phố T.

1.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Phòng 112-B4 Khu đô thị Đại Kim, phường Đ, quận Y, Thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phòng 1206, CT2-D1, chung cư VOV Mễ Trì, đường U, phường I, quận O, Thành phố T theo Giấy ủy quyền số công chứng 86.2022/GUQ, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/01/2022 (Có mặt)

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P**

Địa chỉ: Số 39 đường số 10 Tây, khu phố MQ, phường TP, Quận A, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lương Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 73 đường P, phường TP, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 11 đường ĐT, Phường S, Quận D, Thành phố H theo Giấy ủy quyền ngày 08/3/2022 (có mặt)

3. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 kháng nghị theo quyết định số 03/QĐ-VKS-KDTM ngày 04/10/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị K (Gọi tắt là Công ty K) được thành lập bởi 03 cổ đông sáng lập, có số Vốn Điều lệ đăng ký lần đầu là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), với tỷ lệ góp vốn như sau: ông Vũ Văn P góp 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), chiếm 50% Vốn điều lệ; Ông Vi Văn Q góp 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), chiếm 25% Vốn điều lệ; Ông Nguyễn Văn C góp 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), chiếm 25% Vốn điều lệ. Công ty K được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số: 0103014822 ngày 30/11/2006. Đến tháng 2/2007 Công ty K tăng vốn Điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 38 tỷ đồng, theo đó: ông Vũ Văn P nắm giữ 50% vốn điều lệ, tương ứng số tiền 19 tỷ đồng; Ông Vi Văn Q nắm giữ 25% vốn điều lệ, tương ứng số tiền 9 tỷ đồng, Ông Nguyễn Văn C nắm giữ 25% vốn điều lệ, tương ứng số tiền 9 tỷ đồng và được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 1 số: 0103014822 ngày 09/02/2007.

Sau khi các cổ đông góp đủ vốn điều lệ, Công ty K tiến hành các hoạt động kinh doanh thì vào khoảng cuối năm 2007 Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P (Gọi tắt là Công ty P) do bà Lê Thị G làm đại diện theo pháp luật mong muốn Công ty P trở thành cổ đông của Công ty K. Do đó, ngày 13/11/2007 Ông Vi Văn Q đã chuyển nhượng cho Công ty P 45.000 cổ phần, trị giá 4.500.000.000 đồng thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2007/HĐCN-KL. Cũng cùng ngày 13/11/2007 Ông Nguyễn Văn C đã chuyển nhượng cho Công ty P 45.000 cổ phần, trị giá 4.500.000.000 đồng thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2007/HĐCN-KL.

Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, tuy Công ty P chưa thanh toán tiền cho ông Q và ông C, nhưng vì để thuận lợi cho việc hợp tác của ông Vũ Văn P nên ông Q và ông C đồng ý ký vào hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh để cho Công ty P trở thành cổ đông của Công ty K, cụ thể hồ sơ gồm: Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 03/2007/ĐHĐCĐ-KL ngày 13/11/2007 của Công ty K họp để bổ sung tư cách cổ đông cho Công ty P và tăng vốn điều lệ. Nghị

quyết số 03/2007/NQ-KL ngày 14/11/2007 của Công ty K để bổ sung tư cách cổ đông cho Công ty P và tăng vốn điều lệ. Ngày 15/11/2007, Công ty K lập Thông báo thay đổi đăng ký kinh doanh (lần thứ 3) số 06/2007/TB-KL để gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh. Ngày 14/11/2007 Công ty K lập Thông báo lập sổ đăng ký cổ đông (Lần 3) số 05/2007/TB-KL nhưng thực tế là không lập vì Công ty P chưa trả tiền mua cổ phần và góp vốn, việc làm thông báo này chỉ nhằm mục đích thực hiện cho đủ hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh. Ngày 14/11/2007 Công ty K lập danh sách cổ đông. Với hồ sơ nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014822, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 04/12/2007. Đến nay, Công ty P chưa thanh toán tiền mua cổ phần theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng số 01/2007/HĐCN-KL, và Hợp đồng số 02/2007/HĐCN-KL hợp đồng, cụ thể: "*Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A giá Vốn chuyển nhượng được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này ngay sau khi ký kết; Việc thanh toán được thực hiện phương thức giao nhận trực tiếp bằng tiền mặt. Ngay sau khi nhận được thanh toán này, Công ty sẽ xác nhận việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng này*."

Ngay sau khi chuyển nhượng cổ phần ông Q và ông C liên tục yêu cầu bà Lê Thị G – đại diện theo pháp luật của Công ty P thanh toán tiền mua cổ phần nhưng Công ty P vẫn không thanh toán. Tiếp đến ông Q và ông C đã gửi nhiều văn bản đề nghị Công ty K và ông Vũ Văn P gửi công văn yêu cầu Công ty P thanh toán tiền cho ông Q và ông C. Tuy nhiên, khi đó ông P cho biết, sắp tới Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ, do vậy để khi tăng vốn sẽ yêu cầu Công ty P thanh toán luôn một thể. Ngày 19/4/2008, Công ty K họp đại hội đồng cổ đông để đăng ký tăng vốn điều lệ, Công ty lập Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 04/2008/ĐHĐCĐ-KL tăng vốn từ 50 tỷ lên 200 tỷ, (theo tỷ lệ cổ phần 30% đang nắm giữ Công ty P đăng ký góp thêm 45 tỷ đồng). Tại cuộc họp này, ông Q và ông C cũng đề nghị Công ty P trả tiền mua cổ phần, lúc đó ông Q và ông C cũng đề nghị phải ghi thêm nội dung vào cuộc họp là Công ty P chưa thanh toán tiền mua cổ phần của Ông Vi Văn Q và Nguyễn Văn C. Thế nhưng ông Vũ Văn P giải thích nếu ghi nội dung này vào biên bản thì sẽ không làm thủ tục tăng vốn điều lệ được, do ghi như vậy Phòng đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội sẽ không chấp nhận hồ sơ. Vì vậy ông Q và ông C có đề nghị ông P, sau cuộc họp này phải có văn bản yêu cầu Công ty P trả tiền mua cổ phần cho ông Q và ông C và góp đủ vốn điều lệ vào Công ty K.

Ngày 13/10/2008 Công ty K đã gửi Thông báo về việc góp vốn lần thứ 1 số 98/TB-GV với tổng số tiền là 60 tỷ (Trong 60 tỷ đó, có 9 tỷ đồng của ông C, ông Q và 51 tỷ của 2 lần tăng vốn). Ngày 20/10/2008, Công ty P ký và gửi văn bản cho Công ty K về việc trả lời Thông báo số 98/TB-GV ngày 13/10/2008. Trong văn bản này, Công ty P có nêu: "*Căn cứ điều lệ Công ty K, trước khi thực hiện trách nhiệm góp vốn theo quy định. Chúng tôi đề nghị ông Chủ tịch HĐQT, (yêu cầu 3 nội dung)....* ". Cuối Văn bản này Công ty P nêu: "*Chúng tôi rất mong*

sớm nhận được phúc đáp của ông Chủ tịch HĐQT để việc đóng góp vốn cổ phần của Công ty được thực hiện theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định". Như vậy, Công ty P chưa thanh toán tiền mua cổ phần cũng như góp vốn vào Công ty, còn những nội dung ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh chỉ là để thực hiện thủ tục hành chính cho hợp lệ.

Sau nhiều năm kể từ ngày ký hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần nhưng ông Q và ông C thấy Công ty P không thiện chí thanh toán tiền thì ông Q và ông C đã yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty K triệu tập đại hội đồng cổ đông để xem xét tư cách cổ đông của Công ty P. Vì vậy, ngày 05/02/2015 Công ty K họp đại hội đồng cổ đông để giải quyết các vấn đề, trong đó có giải quyết việc thanh toán tiền mua cổ phần giữa Công ty P với ông C, ông Q; Xem xét tư cách cổ đông của Công ty P. Tại cuộc họp này các cổ đông tham dự cuộc họp đã nhất trí biểu quyết thông qua việc chấm dứt tư cách cổ đông của Công ty P trong Công ty K.

Ngày 15/9/2016, Công ty K đã lập Biên bản làm việc với bà Lê Minh G - đại diện theo pháp luật của Công ty P. Tại buổi làm việc này bà Lê Minh G cho rằng Công ty P đã thanh toán, có giấy biên nhận do ông C, ông Q ký và đang lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Không đồng ý với ý kiến trong biên bản làm việc của bà Lê Minh G, ông Q và ông C đã yêu cầu Công ty K liên hệ với Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội để làm rõ, sau khi Công ty K gửi công văn, Phòng Đăng ký kinh doanh Hà Nội có Công văn số 189/ĐKKD2 ngày 20/09/2016 trả lời Công ty K và đã khẳng định hồ sơ gốc lưu tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội không có bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc thanh toán tiền giữa Công ty P với Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C. Thực tế, vì chưa thanh toán tiền mua cổ phần của ông Q và ông C nên kể từ khi chuyển nhượng cổ phần đến trước khi xảy ra tranh chấp với Công ty K thì Công ty P không nhận được bất cứ lợi ích nào và cũng không có bất cứ yêu cầu nào về việc chia lợi nhuận tại Công ty K. Mặt khác, từ cuối năm 2011 đến nay, Công ty P không được tham gia các cuộc họp cổ đông và cũng không tham gia vào quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty K.

Từ đầu năm 2018, Công ty P khởi kiện Công ty K để yêu cầu xác nhận tư cách cổ đông, trong vụ án này ông Q và ông C đã khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội việc chưa được nhận khoản tiền bán cổ phần của Công ty P và đề nghị Tòa án đưa 2 ông tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để Tòa án bảo vệ quyền lợi cho 2 ông, tuy nhiên việc này không được Tòa án chấp nhận. Do đó, tại Bản án sơ thẩm số 36/2019/ST-KDTM ngày 28/08/2019, Tòa án xác định ông C và Ông Vi Văn Q là nhân chứng chứ không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trường hợp các bên thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/2007/HĐCN-KL ngày 13/7/2007 và hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2007/HĐCN-KL ngày 13/7/2007 thì có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có đủ điều kiện khởi kiện".

Nay các nguyên đơn Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P thanh toán tiền mua cổ phần là 9.000.000.000 đồng theo 2 hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cụ thể như sau:

- Thanh toán cho Ông Vi Văn Q số tiền 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2007/HĐCN-KL ngày 13/11/2007 giữa Ông Vi Văn Q với Công ty P.

- Thanh toán cho Ông Nguyễn Văn C số tiền 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2007/HĐCN-KL ngày 13/11/2007 giữa Ông Nguyễn Văn C với Công ty P.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và có văn bản trình bày như sau:

Bà Lê Minh G đại diện theo pháp luật của Công ty P và ông Vũ Văn P đại diện theo pháp luật của Công ty K là đối tác kinh doanh lâu năm. Ngày 13/7/2007, hai Công ty có thỏa thuận ký 02 hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C với giá 09 tỷ đồng. Việc mua bán, thanh toán đã hoàn tất bằng tiền mặt ngay thời điểm các bên ký hợp đồng. Sau khi ông Q, ông C nhận tiền thì Công ty P mới được ông Vũ Văn P xác nhận hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng và cho tiến hành thực hiện thủ tục cập nhật, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Giấy tờ pháp lý thể hiện rõ ý chí của các bên trong giao kết và thực hiện giao dịch này như sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 13/11/2007. Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C chuyển nhượng cho Công ty P tổng cộng 09 tỷ đồng. Khoản 1, 2 Điều 3 của hợp đồng chuyển nhượng thể hiện: Việc thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, ngay khi nhận được thanh toán, Công ty sẽ xác nhận bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.Điểm b, khoản 3 Điều 4 của hợp đồng chuyển nhượng thể hiện: "*Các bên đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ trong hợp đồng chuyển nhượng đối với nhau sẽ hoàn thành các thủ tục pháp lý theo quy định về việc chuyển nhượng này*".

- Biên bản họp hội đồng cổ đông ngày 13/11/2007 đồng thuận về việc mua bán cổ phần và góp thêm vốn. Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C cam kết không thắc mắc, khiếu nại.

- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 14/11/2007 thể hiện tỷ lệ phần góp vốn vào Công ty K được thống nhất. Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C cam kết không thắc mắc, khiếu nại.

- Danh sách cổ đông Công ty K được xác lập ngày 14/11/2007.

- Thông báo đăng ký lập sổ cổ đông (lần 3) ngày 14/11/2007 về việc góp thêm vốn.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty K được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04/12/2007 thể hiện Công ty P góp vốn 15 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 30%).

- Thông báo lập Sổ cổ đông lần 4 ngày 21/4/2008 xác nhận số lượng cổ phần của các cổ đông: Vũ Văn P = 1.000.000 cổ phần; Vi Văn Q = 200.000 cổ phần; Nguyễn Văn C = 200.000 cổ phần; Công ty P = 600.000 cổ phần. Như vậy; việc Công ty P nhận chuyển nhượng cổ phần của ông Q, ông C để thành cổ đông của Công ty K là có thật. Sau khi ông Q, ông C đã nhận thanh toán bằng tiền mặt xong thì các bên mới hoàn tất về mặt thực tế. Hợp đồng chuyển nhượng các bên ký và xác nhận vào ngày 13/11/2007; đến ngày 14/07/2007, Công ty K họp ra nghị quyết thống nhất số lượng cổ phần và lập danh sách cổ đông. Sau đó, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Từ năm 2008 đến năm 2014, Công ty K đã qua 07 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp nhưng ông C và ông Q đều không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi ông P xúi giục cổ đông là Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C nại ra các lý do về thanh toán để loại bỏ tư cách cổ đông của Công ty P. Công ty P đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và Tòa phúc thẩm cấp cao tại Hà Nội bảo vệ bằng phán quyết: Xác nhận tư cách cổ đông của Công ty P đối với Công ty K theo các Bản án số 36/2019/KDTM-ST và Bản án số 07/2021/KDTM-PT ngày 11/10/2021.

Tại Bản án số 36/2019/KDTM-ST ngày 28/08/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội (trang 8): "Phía bị đơn là Công ty K cho rằng giao dịch chuyển nhượng giữa ông Q, ông C, Công ty P là không có thật và xuất trình (sổ cổ đông viết tay) thể hiện không có tên Công ty P trong sổ này. Tuy nhiên ... hồ sơ lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội thì biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty K ngày 19/4/2008 có sự tham gia của các cổ đông (Công ty P, ông Q, ông C) thì hồ sơ này không đề cập đến việc Công ty P chưa thanh toán tiền, mà chỉ bàn chủ trương tăng vốn điều lệ. Các văn bản này đều có chữ ký của ông Q, ông C và Công ty P".

Tại Bản án số 07/2021/KDTM-PT ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội (trang 7), về nội dung: … Tuy nhiên, căn cứ Điều 3 của 2 Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cùng ngày 13/11/2007 giữa Công ty P với Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C đều thể hiện: "*1. Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên Á giá vốn góp chuyển nhượng được quy định tại Điều 1 của hợp đồng ngay sau khi ký kết; 2. Việc thanh toán được thực hiện phương thức giao nhận bằng tiền mặt. Ngay sau khi nhận được thanh toán này, Công ty sẽ xác nhận việc bên B đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng này*". Quá trình giải quyết vụ án, Công ty P vẫn xác định đã thanh toán tiền mặt cho ông Q và ông C ngay sau khi ký hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với xác nhận của Công ty K (do ông P ký) ở phần cuối của hợp đồng với nội dung

Công ty K xác nhận việc Ông Vi Văn Q (hoặc Ông Nguyễn Văn C) đã chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty K cho Công ty P là đúng sự thật. Mặt khác, từ khi Công ty P được lập sổ cổ đông cho đến khi Công ty P khởi kiện vụ án, phía Công ty K không xuất trình được tài liệu nào thể hiện ông Q và ông C có khiếu nại.

Như vậy, ông Q và ông C là những cổ đông phụ thuộc ông Vũ Văn P, khi ông P yêu cầu ông Q và ông C ký hồ sơ chuyển nhượng phần vốn góp thì bà G đã thanh toán bằng tiền mặt cho ông Q, ông C, ông P đầy đủ. Bà G - Công ty P có thanh toán tiền thì ông P đại diện Công ty K mới ký xác nhận; Tại Công văn số 96/2022, ông P nhân danh Công ty K trả lời và đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 là việc tranh giữa các bên mua bán với nhau Công ty P với ông Q, ông C không liên quan đến Công ty K là đầy mâu thuẫn vì chính ông P là người trực tiếp thiết lập giao dịch, xác nhận giao dịch và cùng nhận tiền thanh toán từ bà G; Giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp hoàn tất từ ngày 14/07/2007. Đến năm 2014, Công ty K đã qua 07 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp và phải chờ đợi ý kiến của ông Vũ Văn P thì ông Q, ông C mới thấy quyền lợi của mình bị xâm hại; Đến năm 2021 ông Q, ông C mới khởi kiện tranh chấp là bất hợp lý. Từ các căn cứ và phân tích nêu trên, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 133/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn C và Ông Vi Văn Q:

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P phải trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho Ông Nguyễn Văn C số tiền là 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng) và trả cho Ông Vi Văn Q số tiền là 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.500.000 (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.250.000 (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013806 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Vi Văn Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.250.000 (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013807 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ Thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM kháng nghị về yêu cầu hủy bản án số 133/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 vì xét xử sai thẩm quyền vụ án.

Các đương sự khác không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

+ *Về hình thức*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện các quyền và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung kháng nghị*: Giữ nguyên yêu cầu kháng nghị theo quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM ngày 04/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vì yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C buộc Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P thanh toán tiền mua cổ phần cho ông Q và ông C mỗi người 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2007/HĐCN-KL ngày 13/11/2007 và số 02/2007/HĐCN-KL ngày 13/11/2007. Xét thấy, đây là tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp" giữa các thành viên Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị K là Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C và Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P, đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn là Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C chỉ yêu cầu bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P thanh toán khoản tiền góp vốn cho hai ông mỗi người 4.500.000.000 đồng tổng cộng là 9.000.000.000 đồng. Nguyên đơn không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và tư cách thành viên Công ty của bị đơn và cũng không có yêu cầu nào khác đối với bị đơn.

Các nguyên đơn không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vì theo Bản án phúc thẩm số 07/2021/KDTM-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Tòa án cấp cao tại Hà Nội đã công nhận tư cách cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P. Theo đó, việc chuyển nhượng cổ phần đã được xác định là có thật. Tất cả đương sự trong vụ án này đều không tranh chấp liên quan đến tư cách cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P như quan điểm và lập luận của Viện kiểm sát. Việc Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P còn nợ tiền của các nguyên đơn là có thật và đến nay phía bị đơn cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản tiền này cho các nguyên đơn nên yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Tại cấp sơ thẩm bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Bị đơn đồng ý quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7.

Các bên đương sự xác nhận đã được Tòa án nhân dân Quận 7 tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm và các đương sự không kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng và sự có mặt của đương sự: Ngày 11/01/2023 đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 11/01/2013.

Ngày 06/02/2023, Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa xét xử ngày 08/02/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 08/02/2023 ông H có mặt tại phiên tòa xét xử và xin rút đơn yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng nghị: Theo quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-KDTM ngày 04/10/2022 thì Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân Quận 7 vì cho rằng đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Luật Tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân Quận 7 xác định tranh chấp dân sự và giải quyết vụ án là không đúng

thẩm quyền. Đề nghị hủy toàn bộ vụ án, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và xác nhận của các đương sự có cơ sở xác định:

[2.1] Về tư cách cổ đông của Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C và Công ty P trong Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị K:

Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị K (Gọi tắt là "Công ty K") được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số: 0103014822 ngày 30/11/2006 được thành lập bởi 03 cổ đông sáng lập, có số Vốn Điều lệ đăng ký lần đầu là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), với tỷ lệ góp vốn: ông Vũ Văn P góp 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), chiếm 50% Vốn điều lệ; Ông Vi Văn Q góp 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), chiếm 25% Vốn điều lệ và Ông Nguyễn Văn C góp 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), chiếm 25% Vốn điều lệ. Đến tháng 2/2007 Công ty K tăng vốn Điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 38 tỷ đồng, theo đó: ông Vũ Văn P nắm giữ 50% vốn điều lệ, tương ứng số tiền 19 tỷ đồng; Ông Vi Văn Q nắm giữ 25% vốn điều lệ, tương ứng số tiền 09 tỷ đồng, Ông Nguyễn Văn C nắm giữ 25% vốn điều lệ, tương ứng số tiền 09 tỷ đồng và được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 1 số: 0103014822 ngày 09/02/2007. Sau khi các cổ đông góp đủ vốn điều lệ Công ty K tiến hành các hoạt động kinh doanh. Như vậy, Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C được xác định là cổ đông góp vốn của công ty K kể từ thời điểm được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số: 0103014822 ngày 30/11/2006.

Ngày 13/11/2007, Ông Vi Văn Q đã chuyển nhượng cho Công ty P 45.000 cổ phần, trị giá 4.500.000.000 đồng thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2007/HĐCN-KL. Cùng ngày 13/11/2007, Ông Nguyễn Văn C đã chuyển nhượng cho Công ty P 45.000 cổ phần, trị giá 4.500.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2007/HĐCN-KL. Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, ông Q và ông C đồng ý ký vào hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh để cho Công ty P trở thành cổ đông của Công ty K. Ngày 14/11/2007, Công ty K lập danh sách cổ đông mới có thêm Công ty P. Theo việc thay đổi này, ngày 04/12/2007 phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014822, đăng ký thay đổi lần 3.

Như vậy, Công ty P chính thức được công nhận là thành viên góp vốn của Công ty K kể từ ngày 04/12/2007. Điều này đã được xác định tại phần Quyết định của Bản án phúc thẩm số 07/2021/KDTM-PT ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P có

tư cách cổ đông và sở hữu 30% cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị K từ thời điểm đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 4/12/2007 đến đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 17/8/2002 (bút lục 46-47).

[2.2] Xét, theo Bản án phúc thẩm số 07/2021/KDTM-PT ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận định: "*Ông Q và ông C thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp cho Công ty P thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật*". Trong vụ án này, theo đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thì tất cả các đương sự đều xác định các nguyên đơn là Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua cổ phần là 9.000.000.000 đồng theo 02 hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2007/HĐCN-KL ngày 13/11/2007 và số 02/2007/HĐCN-KL ngày 13/11/2007 cho Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C. Các đương sự không tranh chấp hợp đồng góp vốn cũng như tư cách cổ đông của Công ty P. Đồng thời, Công ty P cũng xác định đã thanh toán xong tiền góp vốn cho Ông Vi Văn Q và Ông Nguyễn Văn C nên không đồng ý theo yêu cầu đòi tiền góp vốn của các nguyên đơn. Phía bị đơn Công ty P không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Do đó có cơ sở xác định, các bên đương sự trong vụ án này đều là thành viên của Công ty K nhưng không tranh chấp với nhau liên quan đến việc "*Thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của Công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của Công ty*" theo quy định tại khoản 4 Điều 30 bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nên không thuộc đối tượng điều chỉnh của điều luật này.

Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 cho rằng đây là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không không phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.3] Ngoài ra, cũng cần xác định yêu cầu thanh toán số tiền chuyển nhượng phần vốn góp của Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C và Công ty P có phải là tranh chấp kinh doanh thương mại có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định tranh chấp kinh doanh thương mại hay không. Căn cứ theo quy định này thì "*3. Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty, thành viên của Công ty*". Xét thấy, đây là tranh chấp giữa các chủ thể mà một bên chưa phải là thành viên của Công ty. Nhưng như phân tích trên, Ông Vi Văn Q, Ông Nguyễn Văn C và Công ty P đều là cổ đông góp vốn theo pháp luật của Công ty K nên không thỏa mãn về điều kiện của chủ thể. Do đó, không phải là đối tượng điều chỉnh của điều luật này.

[2.4] Quan điểm của Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp Dân sự về *"Đòi tài sản*" là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Vì theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án là "2. *Tranh chấp về quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản*". Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại dẫn chiếu khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự và đòi tài sản" là chưa chính xác. Bởi lẽ, giữa ông Q, ông C và Công ty P giao kết hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cho Công ty P để trở thành thành viên góp vốn của Công ty K. Đây là hợp đồng góp vốn không phải là hợp đồng dân sự.

[2.5] Trong vụ án này cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty P phải thanh toán cho Ông Vi Văn Q số tiền là 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng) và thanh toán cho Ông Nguyễn Văn C số tiền là 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng). Phía bị đơn là Công ty P đồng thuận với phán quyết của Tòa án sơ thẩm và không kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm này. Như vậy, phía bị đơn đã xác nhận toàn bộ nghĩa vụ của mình với nguyên đơn. Việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Quận 7 không làm thay đổi bản chất sự việc về đường lối giải quyết vụ án cũng như không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng nghị số 03/QĐ-KN ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân Quận 7.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 163, 280, 281, 290, 401, 402, 405, 429 và Điều 449 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn C và Ông Vi Văn Q:

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P phải trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho Ông Nguyễn Văn C số tiền là 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng) và trả cho Ông Vi Văn Q số tiền là 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc P phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.500.000 (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.250.000 (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013806 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Vi Văn Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.250.000 (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013807 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cục THADS TPHCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/18).

Đặng Huyền Phương

